

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2014



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN NĂM 2014

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0303498754 (số cũ 4103002698) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 09 năm 2004, sửa đổi lần thứ nhất ngày 03 tháng 04 năm 2006, thay đổi lần thứ 2 ngày 28 tháng 05 năm 2007, thay đổi lần thứ 3 ngày 16 tháng 05 năm 2012, thay đổi lần thứ 4 ngày 01 tháng 03 năm 2013.
- Vốn điều lệ: 189.802.000.000 đồng (Một trăm tám mươi chín tỷ, tám trăm lẻ hai triệu đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 189.802.000.000 đồng
- Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, P.15, Q. Tân Bình, TP Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: (84-8) 38 153 950 – 38 153 972 – 38 153 941 – 38 151 102
- Số fax: (84-8) 38 153 649 – 38 157 095
- Website: www.tuongan.com.vn
- Mã cổ phiếu: TAC

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển:

SƠ LƯỢC LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY THÔNG QUA MỘT SỐ SỰ KIỆN ĐÁNG CHÚ Ý TỪ NĂM 1977 ĐẾN NAY

THỜI GIAN	SỰ KIỆN
- Từ 1977 đến 09/2004	Nhà máy dầu Tường An là Doanh nghiệp nhà nước
- Năm 2004	Nhà máy dầu Tường An được cổ phần hoá và chuyển thành Công ty cổ phần Dầu Thực Vật Tường An (01/10/2004 Triển khai Dự án Xây dựng NM Dầu Phú Mỹ công suất 600 tấn/ngày theo tiêu chuẩn GMP và HACCP.
- Năm 2005	Khởi công xây dựng NM Dầu Phú Mỹ công suất 600 tấn/ngày (29/07/2005).
- Năm 2006	Cổ phiếu Tường An với mã chứng khoán TAC chính thức giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (26/12/2006).
- Năm 2008	Chính thức đưa NM Dầu Phú Mỹ đi vào hoạt động sản xuất vào tháng 11/2008.
- Năm 2009	Hoàn tất đầu tư bổ sung dây chuyền thiết bị phân đoạn 400 tấn/ngày tại NM Dầu Phú Mỹ đưa vào hoạt động sản xuất tháng 02/2009.
- Năm 2011	Hoàn tất việc di dời NM Dầu Tường An ra NM Dầu Phú Mỹ nâng công suất lên 810 tấn/ngày.

- Hiện nay Công ty gồm có các Nhà máy, Chi nhánh, văn phòng đại diện như sau:
Nhà máy dầu Tường An: 48/5 Phan Huy Ích, P.15, Q. Tân Bình, TP Hồ Chí Minh.
Nhà máy dầu Phú Mỹ: Khu CN Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
Nhà máy Dầu Vinh: 135 Nguyễn Viết Xuân, Phường Hưng Dũng, TP.Vinh, Nghệ An.
Chi nhánh Miền Bắc tại Hưng Yên: Thôn Nghĩa Trai, Xã Tân Quang, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên.
Văn phòng đại diện tại Hà Nội: Ô 32, Lô 10, Khu Di dân Đền Lù 1, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, TP.Hà Nội.
Văn phòng đại diện tại TP Đà Nẵng: 08 Mai Hắc Đế, Phường An Hải Tây, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng.
Văn phòng đại diện Miền Tây: 40B 24 Khu Dân cư 91B Khu vực VI, Phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

MỘT SỐ DANH HIỆU TIÊU BIỂU CÔNG TY ĐẠT ĐƯỢC NĂM 2014

- Bộ Công thương khen tặng cờ thi đua xuất sắc
- Đạt danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao do người tiêu dùng bình chọn.
- Đạt danh hiệu “Hàng Việt Nam được người tiêu dùng yêu thích”.
- Dầu Vio Extra đạt danh hiệu top 100-sản phẩm dịch vụ tốt nhất cho gia đình và trẻ em.
- Dầu Season đạt danh hiệu sản phẩm vàng vì sức khỏe cộng đồng.





Tường An

Dầu ăn tốt, hiểu món ăn ngon!

CookingOil

DẦU ĂN DANH TIẾNG

GIÀU OMEGA 3, 6, 9
VITAMIN E TỰ NHIÊN



NGON THẬT NGON, GIÒN THẬT GIÒN

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, mua bán và xuất nhập khẩu các loại sản phẩm chế biến từ dầu, mỡ động thực vật, từ các loại hạt có dầu, thạch dừa. Sản xuất, mua bán các loại bao bì đóng gói. Mua bán, xuất nhập khẩu các loại máy móc, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến ngành dầu thực vật. Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng. Sản xuất, mua bán các loại gia vị ngành chế biến thực phẩm, nước chấm, nước sốt (không sản xuất tại trụ sở). Sản xuất, mua bán các loại sản phẩm ăn liền (mì, bún, phở, bánh đa, cháo ăn liền). Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa. Kinh doanh khu vui chơi giải trí (không hoạt động tại trụ sở). Hoạt động sinh hoạt văn hóa (tổ chức giao lưu, gặp mặt). Kinh doanh nhà ở (xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê).

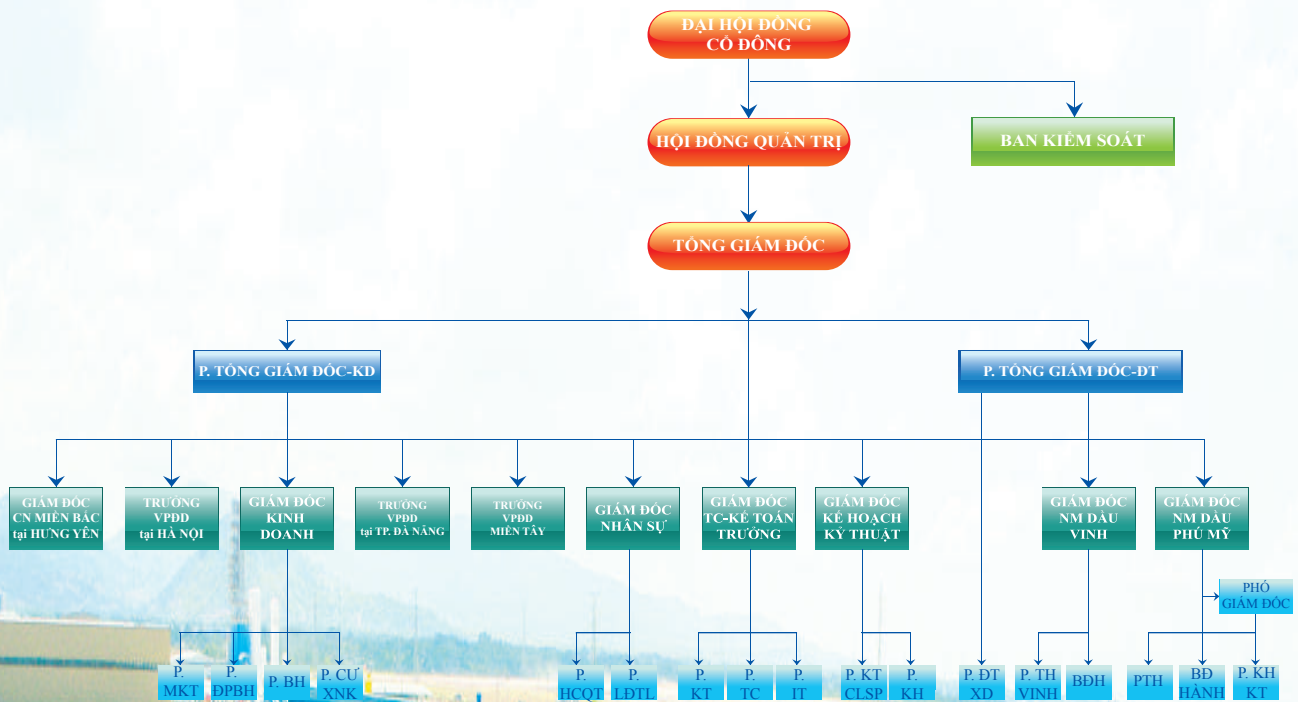
- Địa bàn kinh doanh: Sản phẩm Tường An được bán khắp cả nước qua hệ thống phân phối là Đại lý/Nhà phân phối, siêu thị, trung tâm thương mại, khách hàng công nghiệp, khách hàng Horeca ...



4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị
 - Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền cao nhất công ty.
 - Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu cử gồm 5 thành viên.
 - Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu cử gồm 3 thành viên.
 - Ban Tổng giám đốc gồm Tổng Giám đốc điều hành và 02 Phó Tổng giám đốc.
- Các công ty con, công ty liên kết: không có

- Cơ cấu bộ máy quản lý



Tóm tắt lý lịch Hội đồng quản trị**Ông Nguyễn Hùng Cường – Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Ngày tháng năm sinh: 17/01/1962
Quê quán: TP.HCM
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: 156E Lý Tự Trọng, P. Bến Thành,
Q.1, TP.HCM
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế

Ông Dương Anh Tuấn – Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày tháng năm sinh: 10/02/1955
Quê quán: TP.HCM
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: 184/27 Đặng Văn Ngữ, P.14,
Q.Phú Nhuận, TP. HCM
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Phát triển nguồn nước

Ông Hà Bình Sơn – Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc điều hành

Ngày tháng năm sinh: 10/09/1959
Quê quán: Ninh Bình
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: 408 Trần Hưng Đạo, P. 11,
Q.5, TP.HCM
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí động lực, cử nhân Kinh tế

Ông Văn Tích Vĩnh – Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày tháng năm sinh: 18/08/1956
Quê quán: Vĩnh Long
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: 7 Nguyễn Duy Dương, P. 8,
Q.5, TP.HCM
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Ông Trương Huỳnh Bích – Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày tháng năm sinh: 13/01/1971
Quê quán: Khánh Hòa
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: 684/19B Trần Hưng Đạo, P.2
Q.5, TP.HCM
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Tóm tắt lý lịch Ban kiểm soát**Ông Nguyễn Đức Thuyết – Trưởng Ban kiểm soát**

Ngày tháng năm sinh: 08/09/1966

Quê quán: Quảng Ngãi

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 14/14A Đường số 8, P. 17,
Q.Gò Vấp, TP.HCM

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Ông Hồ Minh Sơn – Thành viên Ban kiểm soát

Ngày tháng năm sinh: 24/07/1974

Quê quán: Quảng Trị

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 53A Cầu Xéo, P.Tân Quý,
Q.Tân Phú, TP.HCM

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Ông Nguyễn Đình Ngân – Thành viên Ban kiểm soát

Ngày tháng năm sinh: 04/11/1958

Quê quán: Hà Tĩnh

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 127 lô 6 Cư xá Thanh Đa, P.27,
Q.Bình Thạnh, TP.HCM

Trình độ chuyên môn: Trung cấp lao động tiền lương

**Các thành viên trong Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát**

Tóm tắt lý lịch Ban điều hành**Ông Hà Bình Sơn – Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc điều hành**

Ngày tháng năm sinh: 10/09/1959

Quê quán: Ninh Bình

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 408 Trần Hưng Đạo, P.11, Q.5, TP.HCM

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí động lực, cử nhân Kinh tế

Ông Nguyễn Văn Lùng – Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh

Ngày tháng năm sinh: 22/10/1969

Quê quán: Tây Ninh

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 1/59 Cầu Xéo, P.Tân Sơn Nhì,
Q.Tân Phú, TP.HCM

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Ông Dương Tiến Đức – Phó Tổng Giám đốc Đầu tư

Ngày tháng năm sinh: 10/01/1956

Quê quán: Hà Tây

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 53 Huỳnh Khương An, P.5,
Q. Gò Vấp, TP.HCM

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cao đẳng ngành Cơ khí chế tạo máy

Ông Vũ Đức Thịnh – Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

Ngày tháng năm sinh: 23/02/1972

Quê quán: Hải Phòng

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 123A/5 Nguyễn Ảnh Thủ,
Hóc Môn, TP.HCM

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

5. Định hướng phát triển

+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Trở thành một trong những công ty dẫn đầu tại Việt Nam về ngành thực phẩm có lợi cho sức khỏe cộng đồng, đặc biệt là trong ngành dầu thực vật.
- Đưa ra thị trường các sản phẩm cao cấp đáp ứng được những yêu cầu tốt nhất cho sức khỏe của người tiêu dùng, phù hợp cho từng nhóm đối tượng khách hàng khác nhau.
- Đảm bảo và nâng cao đời sống, thu nhập cho người lao động.

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Chiến lược ngắn hạn

- Chú trọng và phát triển các kênh bán lẻ hiện đại như hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại nhằm theo kịp với xu hướng phát triển chung của phân khúc thị trường này.

• Ổn định và đẩy mạnh tiêu thụ tại thị trường nội địa với việc củng cố hệ thống phân phối, bán hàng trên toàn quốc. Tăng cường tìm kiếm và mở rộng thị trường xuất khẩu nhằm gia tăng sản lượng tiêu thụ cũng như khai thác tối đa công suất thiết bị của các nhà máy.

• Tiếp tục ổn định và cải tiến chất lượng sản phẩm nhằm đáp ứng tốt nhất các yêu cầu của người tiêu dùng.

• Xây dựng đội ngũ bán hàng có năng lực và chuyên nghiệp để có thể nắm bắt kịp thời các thông tin thị trường cũng như triển khai tốt các chương trình bán hàng ngoài thị trường nhằm xây dựng và phát triển thương hiệu ngày càng lớn mạnh.

• Nghiên cứu và phát triển các sản phẩm mới có giá trị dinh dưỡng cao, cải thiện thể chất và trí não cho người sử dụng với mục tiêu đưa công ty trở thành một trong những đơn vị cung cấp sản phẩm có lợi cho sức khỏe cộng đồng.

Chiến lược trung hạn

• Từng bước hoàn thiện bộ máy kinh doanh của Công ty trở nên hiệu quả và gọn nhẹ, áp dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động phân phối bán hàng để nâng cao hiệu quả của hoạt động quản lý và xây dựng bộ máy tiếp thị chuyên nghiệp nhằm tăng doanh số, đa dạng nhãn hàng, chiếm lĩnh vị trí dẫn đầu trong ngành dầu thực vật.

Chiến lược dài hạn

• Đầu tư mạnh mẽ vào hạ tầng thiết bị kỹ thuật bảo đảm sản lượng và chất lượng cao, đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ và đòi hỏi chất lượng ngày càng cao của người tiêu dùng. Phát triển Công ty trở thành Công ty hàng đầu trong ngành dầu thực vật tại thị trường Việt Nam.



Ông Hà Bình Sơn - Tổng Giám Đốc Công Ty

 **Tường An**
Dầu ăn tốt, hiểu món ăn ngon!

VanTho

Ấm áp hạnh phúc gia đình



Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

Công ty tích cực tham gia các chương trình chăm lo đời sống cộng đồng, giúp đỡ người nghèo, hỗ trợ giúp đỡ người dân chịu ảnh hưởng bởi thiên tai... cụ thể như sau:

- Tiếp tục hưởng ứng cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” do Bộ Chính trị phát động, tham gia chương trình “Giỏ quà tết Việt” do Hội doanh nghiệp hàng Việt Nam chất lượng cao TP.HCM phát động.



Tặng quà cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn tại làng SOS Việt Trì

- Chia sẻ khó khăn, cùng người dân cả nước hướng về người dân vùng bão lũ.
- Thăm hỏi, tặng quà và hỗ trợ vật chất, tinh thần cho người lao động mắc bệnh hiểm nghèo. Đặc biệt ý nghĩa trong chuỗi những hoạt động cộng đồng là chương trình từ thiện, chia sẻ khó khăn với những người kém may mắn trong cuộc sống xã hội được Tường An quan tâm thể hiện bằng những việc làm hết sức thiết thực như:
- Thăm hỏi, tặng quà cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn tại Trung tâm Nuôi dưỡng Bảo trợ Trẻ em Tam Bình, nạn nhân dioxin (Thái Bình), làng SOS Đà Lạt, Việt Trì... nhân dịp Tết Trung thu, Tết Nguyên Đán, ngày Quốc Khánh, ngày Giải phóng đất nước.



- Phối hợp cùng báo SGGP tặng báo cho bạn đọc, bà con vùng biển đảo Cần Giờ.

Bên cạnh đó, các hoạt động mang tính nâng cao kiến thức cho người dân, chăm lo cho cộng đồng như: cuộc thi “Tìm hiểu hàng Việt”, “Tiếp sức hàng Việt” tại các chợ trong khu vực Tp.HCM nhằm kêu gọi, vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.

Tặng báo SGGP cho bạn đọc, bà con vùng biển đảo Cần Giờ.



6. Các rủi ro

- Ảnh hưởng của kinh tế thế giới

- Năm 2014, tình hình kinh tế Việt Nam diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới phục hồi chậm sau suy thoái toàn cầu. Sản xuất kinh doanh chịu áp lực từ bất ổn về kinh tế và chính trị của thị trường thế giới, cùng với khó khăn từ những năm trước chưa được giải quyết triệt để như nợ xấu còn nặng nề, hàng hóa trong nước tiêu thụ chậm...
- Nhu cầu tiêu dùng của xã hội giảm mạnh làm tình hình sản xuất kinh doanh trong nước suy giảm, trong đó Tường An không là ngoại lệ.

- Cạnh tranh

- Thị trường dầu thực vật tại Việt Nam ngày càng cạnh tranh quyết liệt hơn.

- Giá nguyên liệu

- Giá nguyên liệu dầu thực vật thế giới chưa ổn định, biến động tăng giảm bất thường ảnh hưởng rất nhiều đến việc dự trữ nguyên vật liệu cho sản xuất của Tường An. Trong năm 2014, nhìn chung giá nguyên liệu có xu hướng giảm.

- Biến động của tỷ giá

- Trong năm 2014, tỷ giá và thị trường ngoại tệ trong nước diễn biến khá ổn định. Ngân hàng nhà nước đã tăng 1% tỷ giá từ 21.036 Đ/USD lên 21.246 Đ/USD.
- Tại Tường An, nguyên liệu chủ yếu phải nhập khẩu nên khi tỷ giá USD/VNĐ biến động sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2014	Kế hoạch 2014	Thực hiện 2013	% thực hiện	
				So với KH	So với 2013
Sản lượng tiêu thụ (tấn)	155.462	150.000	164.852	103,64	94,3
Tổng doanh thu	4.123	4.100	4.291	100,56	96,08
Lợi nhuận trước thuế	79,704	66,67	86,208	119,55	92,46
Lợi nhuận sau thuế	63,259	50	65,858	126,52	96,05
Thu nhập trên 1 cổ phiếu (EPS: đồng/cổ phiếu)	3.333	2.634	3.470	126,52	96,05

- Năm 2014 sản lượng tiêu thụ đạt 103,64% kế hoạch năm và đạt 94,3% so với năm 2013 là chưa đạt kỳ vọng, mặc dù toàn thể CBCNV Công ty đã có sự cố gắng rất lớn.
- Doanh thu thực hiện đạt 100,56% so với kế hoạch và đạt 96,08% so với cùng kỳ năm 2013. Doanh thu giảm chủ yếu là do sản lượng giảm.
- Chỉ tiêu lợi nhuận thực hiện vượt mức kế hoạch 26,52% và giảm 3,95% so với thực hiện năm 2013.

2. Tổ chức và nhân sự

* Danh sách Ban điều hành

Stt	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Hà Bình Sơn	Tổng Giám đốc điều hành	1.500	0,0079
2	Nguyễn Văn Lùng	Phó Tổng giám đốc	1.070	0,0056
3	Dương Tiến Đức	Phó Tổng giám đốc	0	0
4	Vũ Đức Thịnh	Kế toán trưởng	10.000	0,053

* Lý lịch Ban điều hành: được thể hiện tại trang 9

* Những thay đổi trong ban điều hành: Trong năm 2014 Công ty không có thay đổi nhân sự trong Ban điều hành

Bảng thống kê nhân sự của Công ty đến ngày 31/12/2014

Stt	Diễn giải	Số lượng
1	Thạc sỹ	3
2	Kỹ sư, cử nhân	194
3	Cao đẳng	103
4	Trung học chuyên nghiệp	94
5	Trung học nghề	23
6	Công nhân kỹ thuật	68
7	Tốt nghiệp phổ thông trung học	300
Tổng cộng		785

Định hướng chiến lược nhân sự

Quản trị nhân sự là vấn đề luôn được đặt lên hàng đầu, với quan điểm:

- “Công ty có phát triển và lớn mạnh hay không là hoàn toàn phụ thuộc vào đội ngũ nhân viên. Đội ngũ nhân viên có năng lực, giàu kinh nghiệm và sáng tạo, tâm huyết với công việc, đoàn kết, cùng nhìn về một hướng là tài sản lớn nhất Công ty có được”.

Công ty có các chính sách nhất quán trong công tác quản lý nhân sự :

- Tạo môi trường làm việc cạnh tranh thân thiện, thoải mái để nhân viên phát huy sáng tạo đổi mới. Xây dựng các chuẩn mực văn hóa Công ty tạo tiền đề cho sự đổi mới trong văn hóa giao tiếp, văn hóa ứng xử thanh lịch, phù hợp với xã hội hiện đại.
- Trọng dụng lao động có năng lực chuyên môn giỏi, có chế độ đãi ngộ xứng đáng với người lao động; xây dựng chính sách tiền lương, thưởng hợp lý.
- Đặc biệt quan tâm đến việc đầu tư cho đào tạo nguồn nhân lực.

Chính sách đối với người lao động

- Phân công lao động hợp lý đúng năng lực chuyên môn giúp nhân viên phát huy hết khả năng của mình. Bên cạnh đó khuyến khích nhân viên tìm tòi học hỏi, am hiểu thêm những lĩnh vực khác nhằm tăng khả năng linh hoạt trong giải quyết công việc và dễ dàng đảm nhiệm công việc khác khi cần thiết thay đổi.

- Thường xuyên bố trí, cử nhân viên tham dự các lớp đào tạo chuyên môn nghiệp vụ giúp nhân viên cập nhật kiến thức kịp thời và làm tốt nhiệm vụ được giao.

Trong năm 2014, Công ty đã có một số chính sách cụ thể như sau:

- Đào tạo đội ngũ giám sát, nhân viên bán hàng trở nên chuyên nghiệp và thích ứng với thị trường.
- Tuyển mới, đào tạo thay thế kịp thời nhân sự cho các vị trí còn thiếu.



- Có chính sách điều chỉnh lương phù hợp với tình hình thực tế.
- Có chính sách đãi ngộ để thu hút nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề gắn bó với Công ty.
- Thực hiện đầy đủ quyền lợi, nghĩa vụ đối với người lao động theo đúng quy định pháp luật và Thỏa ước lao động tập thể của Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn

Trong năm 2014, Công ty không có đầu tư tài chính, không có triển khai và thực hiện các dự án đầu tư xây dựng lớn.

b) Các công ty con, công ty liên kết

Công ty không có công ty con, công ty liên kết.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đvt: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.222.588.579.768	1.209.437.293.927	-1,08
Doanh thu thuần	4.291.079.223.546	4.123.378.365.725	-3,91
Lợi nhuận từ hoạt động KD	81.888.317.601	76.061.684.180	-7,12
Lợi nhuận khác	4.319.961.719	3.642.701.735	-15,68
Lợi nhuận trước thuế	86.208.279.320	79.704.385.915	-7,54
Lợi nhuận sau thuế	65.858.089.797	63.258.680.363	-3,95
Số tiền chi trả cổ tức	30.368.320.000	30.368.320.000	-
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	2,17 lần	2,08 lần	-

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Tăng/ giảm
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,24	1,32	0,08
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0,65	0,51	-0,15
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,67	0,64	-0,03
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,98	1,76	-0,22
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	8,25	6,67	-1,58
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	3,51	3,41	-0,1
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,53%	1,53%	-
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	16,08%	14,45%	-1,63
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	5,39%	5,23%	-0,16
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	1,91%	1,84%	-0,07

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
a) Cổ phần

- Tổng số cổ phần phổ thông	:	18.980.200
- Tổng số trái phiếu đang lưu hành	:	Không có
- Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành	:	18.980.200
- Số lượng cổ phiếu quỹ từng loại	:	Không có





Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên Năm 2014

b) Cơ cấu cổ đông

STT	Danh mục	Năm 2013 (chốt ngày 27/3/2013)		Năm 2014 (chốt ngày 27/3/2014)	
		Số lượng Cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng Cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ phiếu phổ thông	18.980.200	100 %	18.980.200	100 %
1	Trong nước	18.336.630	96,61 %	18.356.560	96,71%
	- Cá nhân	8.470.300	44,63 %	8.490.730	44,73%
	- Tổ chức	9.866.330	51,98 %	9.865.830	51,98 %
	✓ Trong đó Nhà nước	9.679.900	51,00 %	9.679.900	51,00 %
2	Nước ngoài	643.570	3,39 %	623.640	3,29%
	- Cá nhân	78.910	0,42 %	83.330	0,44%
	- Tổ chức	564.660	2,97 %	540.310	2,85%
II	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2014 Công ty không phát hành cổ phiếu để tăng vốn.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ

Trong năm 2014 Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

e) Các chứng khoán khác

Trong năm 2014, Công ty không phát sinh thêm chứng khoán nào khác ngoài cổ phiếu VPK (Tường An sở hữu 2,4% cổ phiếu VPK).

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC



Ông Hà Bình Sơn - Tổng Giám Đốc Công Ty

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kinh tế thế giới và trong nước có tín hiệu phục hồi tuy còn chậm. Những tháng quý 4 giá xăng dầu trên thế giới giảm sâu và đang tiếp tục giảm làm cho giá cả hàng hoá giảm theo. Mức lạm phát của Việt Nam năm 2014 khoảng 4%. GDP cả nước tăng khoảng 5,98% so với năm 2013, thu nhập dân cư chưa được cải thiện nhiều, sức mua thị trường

yếu, hàng tồn kho nhiều.

- Tình hình cạnh tranh giữa các nhãn hiệu dầu ăn rất gay gắt, người tiêu dùng có xu hướng chuyển sang sử dụng các sản phẩm dầu giá rẻ gây khó khăn cho công tác tiêu thụ do các sản phẩm Tường An nằm ở phân khúc trung bình và cao cấp.

- Từ ngày 01/04/2014, Nhà nước áp dụng quy định về kiểm tra xử phạt xe quá tải làm cho chi phí vận chuyển tăng rất cao từ 2 đến 2,5 lần do đầu xe vận chuyển không đáp ứng được nhu cầu. Mặc dù giá xăng dầu cuối năm giảm sâu nhưng giá vận chuyển giảm không đáng kể.

- Từ ngày 07/05/2014, thuế suất thuế nhập khẩu dầu tinh luyện giảm từ 5% xuống còn 4% làm cho việc cạnh tranh cung cấp cho khách hàng công nghiệp ngày càng quyết liệt hơn, giá bán ngày càng đi xuống và hiệu quả kinh doanh ngày càng thấp.

- Tình hình xuất khẩu yếu do sản phẩm kém cạnh tranh về giá cả.

- Tỷ giá USD/VND tương đối ổn định (cả năm tăng 1%). Lãi suất vay VND thấp giúp cho chi phí tài chính giảm và đây là thuận lợi lớn cho công tác kinh doanh của công ty.

Kết quả sản xuất kinh doanh đạt được trong năm 2014

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2014	Kế hoạch 2014	Thực hiện 2013	% thực hiện	
				So với KH	So với 2013
Sản lượng tiêu thụ (tấn)	155.462	150.000	164.852	103,6%	94,3%
Tổng doanh thu	4.123	4.100	4.291	100,6%	96,1%
Lợi nhuận sau thuế	63,259	50	65,858	126,5%	96,1%
Thu nhập trên 1 cổ phiếu (EPS: đồng/cổ phiếu)	3.333	2.634	3.470	126,5%	96,1%



Dầu ăn tốt, hiểu món ăn ngon!

Dầu Nành

100% DẦU NÀNH NGUYÊN CHẤT

**TỐT CHO
TIM MẠCH**

- **GIÀU OMEGA - 3, 6, 9**
- **GIÀU VITAMIN TỰ NHIÊN**
- **KHÔNG CÓ CHOLESTEROL**



Các hoạt động của Công ty trong năm 2014



- Công tác marketing:

Chú trọng tiến hành nhiều chiến dịch marketing và đạt hiệu quả tốt.

Công ty tập trung quảng cáo và PR cho sản phẩm bằng rất nhiều hình thức và mục tiêu rõ ràng như: PR thông qua báo chí, quảng cáo truyền hình, tài trợ sự kiện...

Tập trung các chương trình làm mới hình ảnh cho sản phẩm dầu Vụn Thọt tại các chợ truyền thống ở thị trường

phía Bắc và miền Tây Nam bộ.

Đẩy mạnh các chương trình Activation (dầu Nành và dầu Vio Extra), trưng bày sản phẩm, băng hiệu tại các tỉnh...

Tuy nhiên các chương trình marketing cần đa dạng và phong phú hơn để đạt được hiệu quả cao hơn nữa.

- Chính sách bán hàng:

Các chương trình bán hàng được áp dụng liên tục, khuyến khích nhà phân phối tiêu thụ các loại sản phẩm, trong đó tập trung cho nhóm sản phẩm chủ lực.

Tiếp tục thực hiện chính sách phân khúc thị trường theo đối tượng tiêu dùng cho cả dầu chai và dầu xá nhằm thu hút đối tượng khách hàng thu nhập thấp song song với phân khúc hàng giá cao phục vụ những đối tượng có nhu cầu về chất lượng.



Hội Nghị Khách Hàng Tiêu Thụ Sản Phẩm

Tập trung khai thác và phát triển kênh siêu thị, công nghiệp và xuất khẩu.

- Công tác thị trường:

Hệ thống phân phối tiếp tục được hoàn thiện và cải tiến. Chính sách với Nhà phân phối được thực hiện trên tinh thần hợp tác, cùng có lợi.

Tập trung khai thác và phát triển kênh truyền thống, Horeca bằng những chính sách bán hàng linh hoạt, đa dạng, kịp thời, phù hợp với thị trường.

Kênh siêu thị đã được chú trọng đầu tư nhưng hiệu quả chưa cao. Do làn sóng hàng giả rẻ tràn vào siêu thị và coi siêu thị bán hàng như là sự đảm bảo về chất lượng làm ảnh hưởng lớn đến hiệu quả kinh doanh. Việc tiếp tục đổi mới kênh siêu thị là đòi hỏi cấp bách vì đây là một trong những kênh để nâng cao hiệu quả và hình ảnh công ty.

Kênh khách hàng công nghiệp được chú trọng nhưng giá bán cho KHCN còn rất thấp. Vì vậy, cần đi sâu vào những mặt hàng là thế mạnh của Tường An, tiếp tục duy trì và tìm thêm khách hàng mới để gia tăng sản lượng tiêu thụ là mục tiêu của kênh phân phối này.

Xuất khẩu cần chú trọng nhiều hơn để tương xứng với tiềm năng của Công ty.

- Công tác kế hoạch, tổ chức sản xuất, chất lượng sản phẩm, nghiên cứu sản phẩm mới:

Chất lượng sản phẩm đáp ứng được yêu cầu. Việc nghiên cứu sản xuất sản phẩm mới, đa dạng hóa sản phẩm luôn được chú trọng.

Duy trì tốt hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 tại văn phòng Công ty và NM Dầu Phú Mỹ, áp dụng hệ thống an toàn thực phẩm GMP-HACCP tại NM Dầu Phú Mỹ và triển khai xây dựng tại NM Dầu Vinh đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm.

Việc cung ứng nguyên nhiên vật liệu luôn đáp ứng kịp thời nhu cầu cho sản xuất và kinh doanh.

Công tác kế hoạch, sản xuất cơ bản đáp ứng được yêu cầu. Định mức lao động, định biên đã thực hiện tốt, góp phần giảm chi phí lao động, nâng cao hiệu quả công việc, tiết kiệm và giảm giá thành sản phẩm.

An toàn lao động, an toàn VSTP được thực hiện tốt. Công ty đã tổ chức cập nhật kiến thức an toàn lao động, an toàn VSTP cho 418 lao động trong toàn Công ty. Công tác môi trường, PCCC luôn được thực hiện tốt kể cả các vấn đề về thủ tục pháp lý và xử lý môi trường.

- Công tác tài chính kế toán:

Công tác tài chính kế toán đã thực hiện tốt, sử dụng vốn vay kinh doanh có hiệu quả, chi phí hoạt động tài chính thấp góp phần quan trọng vào việc nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty.

- Công tác tổ chức và nhân sự:

Đội ngũ lao động thường xuyên được đánh giá, bổ sung và củng cố. Chế độ cho người lao động thực hiện đúng quy định của pháp luật và thỏa ước lao động tập thể. Đời sống cho người lao động luôn được chú trọng. Các lớp tập huấn nghiệp vụ về ATLĐ, ATVSTP, PCCC, môi trường... được thực hiện đúng quy định.

Phối hợp với Công đoàn tổ chức nghỉ mát cho CB.CNV tại Ninh Chữ, Ninh Thuận (đối với CB.CNV văn phòng và NM Dầu Phú Mỹ) và tại Quảng Bình (đối với CB.CNV NM Dầu Vinh). Việc thực hiện các chính sách đối với người lao động và thực hiện thỏa ước lao động tập thể được thực hiện tốt.

**- Công tác đầu tư:**

Hoàn thành và đưa vào sử dụng các máy móc thiết bị tại Nhà máy Dầu Vinh và Nhà máy Dầu Phú Mỹ, với tổng giá trị đầu tư 5,984 tỷ đồng.

Xây dựng và đưa vào sử dụng các công trình nhà kho, xử lý nước thải, vệ sinh môi trường tại Nhà máy Dầu Vinh, với tổng giá trị đầu tư 4,505 tỷ đồng.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Mức tăng (+) /giảm (-)	% Tăng (+) /giảm (-)
Tổng tài sản	1.222.588.579.768	1.209.437.293.927	-13.151.285.841	-1,08%
Tài sản ngắn hạn	1.011.887.870.612	1.018.513.263.495	6.625.392.883	0,65%
Tiền và các khoản tương đương tiền	406.466.089.611	295.184.220.371	-111.281.869.240	-27,38%
Các khoản phải thu ngắn hạn	104.466.811.297	82.368.785.453	-22.098.025.844	-21,15%
Hàng tồn kho	479.769.402.418	627.808.272.221	148.038.869.803	30,86%
Tài sản ngắn hạn khác	21.185.567.286	13.151.985.450	-8.033.581.836	-37,92%
Tài sản dài hạn	210.700.709.156	190.924.030.432	-19.776.678.724	-9,39%
Tài sản cố định	208.033.006.102	188.271.460.335	-19.761.545.767	-9,50%
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.824.000.000	1.824.000.000	-	-
Tài sản dài hạn khác	843.703.054	828.570.097	-15.132.957	-1,79%

- Giá trị tổng tài sản năm 2014 giảm 1,08% so với năm 2013 tương ứng với mức giảm là 13,2 tỷ đồng chủ yếu là do tài sản dài hạn giảm 9,39% tương ứng với mức giảm 19,8 tỷ đồng, tài sản ngắn hạn tăng 0,65% tương ứng với mức tăng là 6,6 tỷ.

- Mức tăng của tài sản ngắn hạn 0,65% chủ yếu là do sự gia tăng tỷ trọng hàng tồn kho.

- Chỉ tiêu các khoản phải thu ngắn hạn giảm 21,15% tương ứng với mức giảm 22,1 tỷ đồng so với năm 2013, do công ty có chính sách thu hồi nợ nhanh vào những ngày cuối năm.

- Chỉ tiêu hàng tồn kho tăng do tình hình tiêu thụ chậm, mặt khác do quy định về thời gian thông quan hàng nhập khẩu dài hơn so với trước đây đã làm cho giá trị hàng tồn kho năm 2014 tăng 30,86% tương ứng với mức tăng 148 tỷ đồng so với năm 2013.

- Chỉ tiêu tài sản ngắn hạn khác giảm 37,92% tương ứng với mức giảm 8 tỷ đồng chủ yếu do thuế GTGT chưa được khấu trừ hết.

- Tài sản dài hạn giảm 9,39% chủ yếu là tài sản cố định giảm 9,5% tương ứng với mức giảm 19,8 tỷ đồng, giá trị tài sản giảm do tài sản được khấu hao trong năm.

b) Tình hình nợ phải trả

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Mức tăng (+) /giảm (-)	% Tăng (+) / giảm (-)
Nợ phải trả	813.138.206.617	771.511.494.431	-41.626.712.186	-5,12%
Nợ ngắn hạn	813.138.206.617	771.511.494.431	-41.626.712.186	-5,12%
Vay và nợ ngắn hạn	298.051.716.360	311.809.715.461	13.757.999.101	4,62%
Phải trả người bán	469.372.865.428	401.398.265.316	-67.974.600.112	-14,48%
Các khoản nợ ngắn hạn khác	45.713.624.829	58.303.513.654	12.589.888.825	27,54%
Nợ dài hạn	-	-	-	-
Vay và nợ dài hạn	-	-	-	-
Các khoản nợ dài hạn khác	-	-	-	-

- Nợ phải trả năm 2014 giảm 5,12% tương ứng với mức giảm 41,6 tỷ đồng so với năm 2013.

- Chỉ tiêu vay và nợ ngắn hạn tăng 4,62% tương ứng với mức tăng 13,7 tỷ đồng so với năm 2013 do cuối năm công ty phải vay vốn ngân hàng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

- Khoản mục phải trả người bán giảm 14,48% tương ứng với mức giảm 68 tỷ đồng so với năm 2013 cho thấy khả năng thanh toán nợ đến hạn là tốt.

- Các khoản nợ ngắn hạn khác tăng 27,54% tương ứng với mức tăng 12,6 tỷ đồng do chi phí phải trả cuối năm tăng so với năm 2013.

Như vậy nợ ngắn hạn giảm chủ yếu do khoản mục phải trả người bán giảm, còn chỉ tiêu vay và nợ ngắn hạn, các khoản nợ ngắn hạn khác tăng nhưng mức tăng không đáng kể.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Năm 2014, tiếp tục củng cố hệ thống phân phối, mạng lưới tiêu thụ được mở rộng. Nhà phân phối luôn được thăm hỏi động viên, sự hợp tác giữa hai bên luôn được duy trì tốt. Công ty tổ chức thành công nhiều hội nghị khách hàng và tri ân khách hàng tiêu thụ sản phẩm tại các khu vực trọng điểm.

- Tổ chức và giám sát tốt các quy trình sản xuất và kinh doanh theo đúng nội dung tiêu chuẩn ISO 9001:2008 và GMP-HACCP. Tổ chức cập nhật kiến thức an toàn lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm. Chú trọng các thủ tục pháp lý, vấn đề xử lý môi trường và PCCC vì đây là lĩnh vực được xã hội đặc biệt quan tâm.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai



Nhận định thị trường năm 2015 vẫn còn khó khăn, sức mua trên thị trường chưa được cải thiện nhiều, tình hình cạnh tranh khốc liệt tiếp tục diễn ra giữa các nhãn hiệu dầu ăn... Để đạt được kế hoạch năm 2015 Công ty sẽ chú trọng một số nội dung sau:

*** Công tác thị trường, marketing**

- Tập trung tăng trưởng các sản phẩm cao cấp, dầu Cooking và Vụn thỏ. Duy trì sản lượng tiêu thụ của các sản phẩm dầu chai, dầu xá giá rẻ để giữ thị phần và nếu có cơ hội thì tăng sản lượng tiêu thụ để mở rộng thị phần.
- Tiếp tục củng cố hệ thống bán hàng và hệ thống nhà phân phối trên toàn quốc, tập trung hơn nữa cho công tác marketing, cải tiến mẫu mã bao bì, chú trọng việc đề ra chính sách bán hàng hợp lý cho các kênh truyền thống, kênh siêu thị, khách hàng công nghiệp và xuất khẩu để tương xứng với tiềm năng của Công ty.
- Theo dõi sát tình hình giá cả vận chuyển trên thị trường, tìm phương án vận chuyển hợp lý với chi phí vận chuyển thấp nhất.

*** Công tác sản phẩm**

- Tiếp tục nghiên cứu, cải tiến mẫu mã sản phẩm, đa dạng hóa sản phẩm để đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng.
- Tổ chức sản xuất hợp lý, tiết kiệm tối đa chi phí trong sản xuất, cải tiến hợp lý hóa sản xuất để tăng năng suất lao động, giảm giá thành.
- Về hệ thống quản lý chất lượng: Công ty thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 và GMP - HACCP tại NM Dầu Phú Mỹ và NM Dầu Vinh. Tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ chất lượng sản phẩm, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm đồng thời đảm bảo môi trường trong sạch.

*** Công tác tài chính kế toán**

- Thực hiện việc áp dụng chế độ kế toán mới từ ngày 01/01/2015.
- Sử dụng đồng vốn hiệu quả, nhất là vốn vay.
- Theo dõi tình hình biến động tỷ giá USD/VND, lãi suất ngân hàng để có chính sách tài chính phù hợp và hiệu quả.

*** Công tác nhân sự**

- Củng cố tổ chức, tăng cường công tác đào tạo, xây dựng đội ngũ CBCNV. Nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của người lao động. Có chính sách tuyển dụng, đào tạo, khuyến khích lao động có năng lực và tay nghề, không cào bằng. Có chính sách đãi ngộ tốt nhằm thu hút và giữ được lao động có năng lực.
- Xây dựng đội ngũ bán hàng năng lực và chuyên nghiệp để có thể nắm bắt kịp thời các thông tin thị trường cũng như triển khai thực hiện tốt các chương trình bán hàng ngoài thị trường nhằm xây dựng và phát triển thương hiệu ngày càng lớn mạnh.

- Thực hiện tốt công tác an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường.

*** Công tác đầu tư, XDCB**

- Khai thác hiệu quả công suất các thiết bị ở các nhà máy. Đầu tư bổ sung thiết bị để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, giảm chi phí lao động thủ công



vio Extra

DHA

DẦU ĂN DINH DƯỠNG TRẺ EM

THỂ HỆ MỚI

Tường An

Bổ sung vi chất giúp
Thông minh - Mắt sáng
Cơ thể khỏe mạnh

vio Extra

Tường An

Dầu ăn dinh dưỡng cho trẻ em
thể hệ mới

Thế tích thực:
250 ml

VITAMIN A

VITAMIN E

Dành cho trẻ từ 6 tháng đến 8 tuổi.
Tăng cường dưỡng chất, giúp trẻ phát triển trí não,
thông minh, mắt sáng và cơ thể khỏe mạnh.
Cho bé một khởi đầu tốt đẹp, cho mẹ trọn vẹn
niềm tin yêu.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



Ông Nguyễn Hùng Cường - Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

a) Một số đặc điểm trong năm 2014 tác động đến kinh doanh của Công ty

- Năm 2014, một năm vẫn còn nhiều khó khăn, kinh tế vĩ mô vẫn còn đang trong giai đoạn phục hồi. Tại Việt Nam, lạm phát được kiểm soát tốt, chỉ số lạm phát thấp khoảng 4%, tỷ giá USD/VND tương đối ổn định (tăng 1% từ ngày 19/06/2014), thu nhập người dân không tăng, sức mua của thị trường tiếp tục bị ảnh hưởng.
 - Về kinh doanh, ngày càng có nhiều đối thủ cạnh tranh trong lĩnh vực dầu ăn do đó thị phần bị chia nhỏ và thu hẹp.
 - Giá xăng dầu thế giới giảm mạnh vào các tháng cuối năm nhưng giá vận chuyển giảm rất ít.
 - Thuế tự vệ nhập khẩu dầu thực vật giảm còn 4% từ ngày 07/05/2014.
 - Năm 2014 lãi suất vay ngân hàng tiếp tục giảm giúp công ty tiết giảm chi phí tài chính.
- Trong bối cảnh chung của nền kinh tế, Tường An cũng chịu nhiều ảnh hưởng nhưng với sự nỗ lực không ngừng, Tường An đã vượt qua khó khăn, thể hiện qua các kết quả đạt được của năm 2014.

b) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2014

* Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014

- Tổng sản lượng sản phẩm tiêu thụ năm 2014 là 155.462 tấn dầu các loại, đạt 103,6% kế hoạch năm 2014, đạt 94,3% so với năm 2013.
- Doanh thu năm 2014 thực hiện 4.123 tỷ đồng đạt 100,6% so với kế hoạch, đạt 96,08% so với năm 2013.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2014 là 63,3 tỷ đồng đạt 126,5% so với kế hoạch; đạt 96,05% so với năm 2013.

Cả 03 chỉ tiêu doanh thu, sản lượng và lợi nhuận giảm so với năm 2013 nhưng đều vượt kế hoạch đề ra. Đây là một kết quả tương đối chấp nhận được của Công ty trong điều kiện nền kinh tế tài chính năm 2014 có nhiều khó khăn và thay đổi.

*** Tình hình đầu tư xây dựng cơ bản năm 2014**

- Hoàn thành và đưa vào sử dụng các máy móc thiết bị tại Nhà máy Dầu Vinh và Nhà máy Dầu Phú Mỹ, với tổng giá trị đầu tư 5,984 tỷ đồng.
- Xây dựng và đưa vào sử dụng các công trình nhà kho, xử lý nước thải, vệ sinh môi trường tại Nhà máy Dầu Vinh, với tổng giá trị đầu tư 4,505 tỷ đồng.

*** Tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2014**

- Trong năm 2014, Hội đồng quản trị đã tiến hành họp thường kỳ hàng quý để giám sát Tổng giám đốc điều hành báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh trong quý và kế hoạch cho quý tới.
- Tổng số cuộc họp Hội đồng quản trị trong năm 2014: 89 lần, trong đó: tổ chức họp 5 lần; lấy ý kiến 84 lần để giải quyết các vấn đề liên quan đến xây dựng cơ bản, sản xuất kinh doanh, mua nguyên liệu...

*** Tái bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành**

- Hội đồng quản trị đã ban hành quyết định số 110/QĐ-HĐQT.14 ngày 23/12/2014 về việc tái bổ nhiệm ông Hà Bình Sơn giữ chức vụ Tổng giám đốc điều hành nhiệm kỳ 3 năm kể từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2017.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty

Trong năm 2014, HĐQT thực hiện tốt việc giám sát, chỉ đạo Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý trong điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

Ban Tổng giám đốc đã hoàn thành tốt vai trò điều hành hoạt động kinh doanh theo đúng các định hướng, chỉ đạo của HĐQT, cụ thể:

- Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2014 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và HĐQT phê duyệt.
- Triển khai hiệu quả các chiến lược, kế hoạch của HĐQT đề ra.
- Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, quyết định, thông báo của HĐQT.
- Báo cáo công khai minh bạch, công bố thông tin kịp thời, chính xác.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

a) Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015

Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2014	Thực hiện năm 2014	Kế hoạch năm 2015	KH 2015/ Thực hiện 2014
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]=[5]/[4]
Sản phẩm tiêu thụ	Tấn	150.000	155.462	163.000	104,85%
Doanh thu	Tỷ đồng	4.100	4.123	4.320	104,78 %
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	50	63,259	50	79,04 %
Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	16%	16%	16%	100%

b) Đầu tư xây dựng cơ bản

- Tiếp tục triển khai tổ chức thực hiện các hạng mục đầu tư tại Nhà máy Dầu Vinh.
- Bổ sung thêm một số thiết bị cho Nhà máy Dầu Phú Mỹ.



V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị



STT	Họ tên	Chức vụ tại Công ty/quan hệ	Số cổ phần có quyền biểu quyết của TAC			Tỷ lệ sở hữu (%)
			Đại diện sở hữu của Vocarimex	Sở hữu cá nhân	Tổng	
01	Nguyễn Hùng Cường	- Chủ tịch HĐQT - Phó TGĐ Vocarimex - Thành viên HĐQT Cty CP dầu TV Tân Bình	3.200.000	15.000	3.215.000	16,94
02	Dương Anh Tuấn	- Thành viên HĐQT - Phó TGĐ Vocarimex - Chủ tịch HĐQT Cty CP bao bì dầu TV (VPK), Cty CP dầu TV Tân Bình	3.279.900		3.279.900	17,28
03	Hà Bình Sơn	- Thành viên HĐQT - Tổng GD TAC	3.200.000	1.500	3.201.500	16.87
04	Văn Tích Vĩnh	- Thành viên HĐQT - Kiểm soát viên nhà nước Vocarimex - Trưởng BKS Cty CP bao bì dầu TV (VPK)				
05	Trương Huỳnh Bích	- Thành viên HĐQT (độc lập)		1.000	1.000	0,0053

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị họp thảo luận các vấn đề liên quan đến chiến lược phát triển của công ty, kế hoạch sản xuất kinh doanh, mua nguyên liệu, đầu tư xây dựng cơ bản và các vấn đề khác. Hội đồng quản trị tổ chức họp định kỳ hàng quý nhằm đánh giá kết quả hoạt động từng quý của công ty và thảo luận những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị. Các cuộc họp bất thường được triệu tập khi có yêu cầu.

Hội đồng quản trị nhận được các thông tin cập nhật, chính xác và kịp thời về tình hình sản xuất, kinh doanh trước cuộc họp. Những thông tin này được chuẩn bị bởi Ban điều hành công ty và được tổng hợp bởi Ban Thư ký Hội đồng quản trị. Ban Tổng Giám đốc có nhiệm vụ triển khai, thực thi các Nghị quyết của Hội đồng quản trị đã được thông qua.

Tổng số cuộc họp HĐQT trong năm 2014: 89 lần

Trong đó:

- Tổ chức họp 05 lần trực tiếp.
- Lấy ý kiến bằng văn bản 84 lần.

c) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Đại hội đồng cổ đông năm 2012 được tiến hành vào ngày 26/04/2012 đã bầu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới 2012 – 2017, trong đó Ông Trương Huỳnh Bích là thành viên độc lập.

2. Ban Kiểm soát**a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát**

STT	Họ tên	Chức vụ tại Công ty/quan hệ	Số cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)
01	Nguyễn Đức Thuyết	- Trưởng Ban kiểm soát - Thành viên HĐQT Cty CP trích ly dầu TV (VOE) - Trưởng BKS Cty CP dầu thực vật Tân Bình	200	0,0011
02	Hồ Minh Sơn	- Thành viên Ban kiểm soát - Thành viên HĐQT CP bao bì dầu TV (VPK) - Chủ tịch HĐQT Cty CP TM dầu TV (VOT)	0	0
03	Nguyễn Đình Ngân	- Thành viên Ban kiểm soát	1.000	0,0053

**b) Hoạt động của Ban kiểm soát**

Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị

- Trong năm 2014, HĐQT đã tổ chức họp và lấy ý kiến bằng văn bản: 89 lần. Các hoạt động của HĐQT đều tuân thủ đúng theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. HĐQT đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ, sau đó triển khai kịp thời các Nghị quyết của HĐQT để Ban TGD điều hành thực hiện.

- Cụ thể một số lĩnh vực chính như sau:

- Các biện pháp tháo gỡ nhằm hoàn thành kế hoạch SXKD 6 tháng, 9 tháng và cả năm 2014.
- Tiến độ công tác XDCB đã hoàn tất và đưa vào sử dụng 01 hệ thống xử lý nước thải trong sản xuất, công suất 50m³/ngày đêm tại Nhà máy Dầu Vinh; nhà kho 945 m² tại Nhà máy Dầu Vinh.

- Những vấn đề thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT đều trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và thuộc thẩm quyền của HĐQT. Việc thảo luận và biểu quyết là phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.

- Ban Kiểm soát thống nhất với nhận xét trong báo cáo của HĐQT về công tác quản lý điều hành,

- Ban Kiểm soát xác nhận các số liệu được đưa ra trong Báo cáo của HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông là thể hiện trung thực tình hình hoạt động SXKD, tình hình tài chính hiện tại của Công ty.

Giám sát hoạt động của Ban TGD điều hành

- Ban TGD điều hành tham gia đầy đủ các cuộc họp với HĐQT.

- Trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban điều hành đã tuân thủ, bám sát và thực hiện các chủ trương chính sách theo đúng tinh thần Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị Quyết HĐQT.

- Trong năm, Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực, đã thường xuyên chỉ đạo cán bộ, CNV Công ty thực hành tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất, chi phí bán hàng, chi phí quản lý, duy trì, ổn định hoạt động SXKD. Các phòng, ban, Nhà máy của Công ty luôn có tinh thần làm việc với trách nhiệm cao nhất, đã góp phần tích cực trong hoạt động SXKD.

- Ban Tổng Giám đốc điều hành phối hợp với tổ chức Công đoàn quan tâm tốt đến đời sống CBCNV. Hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty trong năm 2014 là ổn định.
- Ban Kiểm soát đánh giá cao khối TCKT trong công tác kế toán và quản trị tài chính. Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu về các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán, kế toán và lập báo cáo tài chính đầy đủ, đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp.



Thực phẩm bổ sung

Season

PREMIUM EDIBLE OIL

Dầu ăn được tăng cường Vitamin A&D



Vitamin A: 10.000IU/100g
Vitamin D: 500IU/100g



Hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát được mời tham gia đầy đủ các cuộc họp với HĐQT và Ban Tổng giám đốc. Ban kiểm soát đã thực hiện các công việc sau:

- Giám sát, kiểm tra việc quản lý và thực hiện các mục tiêu kinh doanh của Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Điều hành, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh trong năm theo các Nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2014.
- Kiểm tra và giám sát việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban TGD Điều hành.
- Tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý để kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập Báo cáo tài chính. Cụ thể xem xét Báo cáo 6 tháng, 9 tháng và Báo cáo tài chính năm 2014 đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty kiểm toán A&C.
- Trong năm 2014, các thành viên của Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp do Trưởng Ban triệu tập.
- Hoạt động của Ban kiểm soát luôn có sự hỗ trợ tích cực từ HĐQT, Ban TGD, các phòng ban, Nhà máy. Hoạt động của Ban kiểm soát có tính độc lập không gây cản trở cho hoạt động SXKD của Công ty. Mọi quan hệ trong phối hợp làm việc giữa HĐQT, Ban TGD và Ban Kiểm soát là phù hợp với chuẩn mực, Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

c) Kết luận công tác giám sát của Ban kiểm soát:

- Trong năm 2014, Ban Kiểm soát không thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tất cả các hoạt động, các nghị quyết của HĐQT ban hành đều tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của Nhà nước.
- Kết quả SXKD và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép số liệu.
- Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Lương, thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Đvt: đồng

STT	Họ tên	Chức danh	Mức thù lao/tháng
A	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
1	Ông Nguyễn Hùng Cường	Chủ tịch HĐQT	6.000.000
2	Ông Dương Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	4.000.000
3	Ông Hà Bình Sơn	Thành viên HĐQT	4.000.000
4	Ông Văn Tích Vĩnh	Thành viên HĐQT	4.000.000
5	Ông Trương Huỳnh Bích	Thành viên HĐQT	14.000.000
6	Ông Vũ Đức Thịnh	Thư ký HĐQT	3.000.000
7	Ông Bùi Hoàng Phương	Trợ lý thư ký HĐQT	2.000.000
B	BAN KIỂM SOÁT		
1	Ông Nguyễn Đức Thuyết	Trưởng Ban	4.000.000
2	Ông Hồ Minh Sơn	Thành viên	2.000.000
3	Ông Nguyễn Đình Ngân	Thành viên	2.000.000

Lương, thưởng của Ban điều hành

Đvt: đồng

Stt	Họ tên	Chức Danh	Mức tiền lương/ tháng
1	Hà Bình Sơn	Tổng Giám Đốc	72.293.000
2	Nguyễn Văn Lùng	Phó TGD	51.030.000
3	Dương Tiến Đức	Phó TGD	51.030.000
4	Vũ Đức Thịnh	Kế toán trưởng	42.525.000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Trong năm 2014, Công ty không có phát sinh giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ.

c) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Trong năm 2014, Công ty Tường An đã thực hiện và báo cáo kịp thời cũng như công bố thông tin định kỳ về tình hình quản trị công ty hàng quý, bán niên và hàng năm đến các nhà đầu tư



**BAKER TILLY
A&C****CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.****BÁO CÁO TÀI CHÍNH****NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014****CÔNG TY CỔ PHẦN
DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	38
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	39 - 41
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	42 - 43
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	44 - 47
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	48
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	49 - 50
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	51 - 72
8. Phụ lục	73

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An là doanh nghiệp Nhà nước cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Nhà Máy dầu Tường An thuộc Công ty Dầu thực vật Hương liệu Mỹ phẩm Việt Nam (nay là Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – Công ty TNHH MTV) theo Quyết định số 42/2004/QĐ-BCN ngày 04 tháng 6 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0303498754 (đăng ký lần đầu số 4103002698 ngày 27 tháng 9 năm 2004) do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 04 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật, bổ sung ngành nghề kinh doanh và thay đổi chi nhánh hoạt động.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Ông Đoàn Tấn Nghiệp, Ông Nguyễn Hùng Cường và Ông Đinh Hùng đại diện phần vốn Nhà nước – Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – Công ty TNHH MTV	96.799.000.000	51,00
Các cổ đông khác	93.003.000.000	49,00
Cộng	189.802.000.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 48/5, đường Phan Huy Ích, phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84.8) 38 153 950 - 38 153 972 - 38 153 941 - 38 151 102
Fax : (84.8) 38 153 649 - 38 157 095
Website : www.tuongan.com.vn
E-mail : tuongan@tuongan.com.vn
Mã số thuế : 0303498754

Các đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An - Nhà máy dầu Phú Mỹ	KCN Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An - Nhà máy dầu Vinh	135 Nguyễn Viết Xuân, phường Hưng Dũng, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An
Chi nhánh miền Bắc tại Hưng Yên - Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An VPĐD tại TP Hà Nội	Thôn Nghĩa Trai, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
VPĐD tại TP Đà Nẵng	Ô32, Lô 10, Khu DD Đền Lừ 1, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội
VPĐD Miền Tây	08 Mai Hắc Đế, Phường An Hải Tây, Quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng Khu DC 91B, KV 6, P. An Khánh, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ



Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần là: Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá; Sản xuất, mua bán và xuất nhập khẩu các sản phẩm chế biến từ dầu, mỡ động thực vật, từ các loại hạt có dầu, thạch dừa; Sản xuất, mua bán các loại bao bì đóng gói. Mua bán xuất nhập khẩu các loại máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến ngành dầu thực vật; Cho thuê mặt bằng nhà xưởng; Sản xuất, mua bán các loại gia vị ngành chế biến thực phẩm, nước chấm, nước sốt (không sản xuất tại trụ sở); Sản xuất, mua bán các loại sản phẩm ăn liền (mì, bún, phở, bánh đa, cháo ăn liền); Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Kinh doanh khu vui chơi giải trí (không hoạt động tại trụ sở); Hoạt động sinh hoạt văn hóa (tổ chức giao lưu, gặp mặt); Kinh doanh nhà ở (xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê).

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 36).

Trong năm Công ty đã chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2013 là 30.368.320.000 VND và khen thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành với số tiền là 1.250.000.000 VND theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 số 44/NQ-HĐQT.14 ngày 26 tháng 4 năm 2014.

Ngoài ra, Công ty tạm trích lập quỹ từ lợi nhuận năm 2014 với tỷ lệ trích của các quỹ như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển : 10% lợi nhuận sau thuế
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi : 5% lợi nhuận sau thuế

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hùng Cường	Chủ tịch	04 tháng 5 năm 2012	-
Ông Hà Bình Sơn	Thành viên	27 tháng 4 năm 2012	-
Ông Dương Anh Tuấn	Thành viên	27 tháng 4 năm 2012	-
Ông Văn Tích Vĩnh	Thành viên	27 tháng 4 năm 2012	-
Ông Trương Huỳnh Bích	Thành viên	27 tháng 4 năm 2012	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Đức Thuyết	Trưởng ban	04 tháng 5 năm 2012	-
Ông Nguyễn Đình Ngân	Kiểm soát viên	27 tháng 4 năm 2012	-
Ông Hồ Minh Sơn	Kiểm soát viên	27 tháng 4 năm 2012	-

Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Hà Bình Sơn	Tổng Giám đốc	30 tháng 12 năm 2011	-
Ông Nguyễn Văn Lùng	Phó Tổng Giám đốc	31 tháng 01 năm 2012	-
Ông Dương Tiến Đức	Phó Tổng Giám đốc	31 tháng 01 năm 2012	-
Ông Vũ Đức Thịnh	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng	31 tháng 01 năm 2012	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Nguyễn Hùng Cường
Chủ tịch

Ngày 17 tháng 3 năm 2015



**BAKER TILLY
A&C****CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**

Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khánh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 162C/4 Trần Ngọc Que St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 0190/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An, được lập ngày 14 tháng 02 năm 2015, từ trang 07 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**Bùi Văn Khả - Phó Tổng Giám đốc***Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0085-2013-008-1***Lê Thị Ánh Nguyệt - Kiểm toán viên***Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1815-2013-008-1*

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		1.018.513.263.495	1.011.887.870.612
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	295.184.220.371	406.466.089.611
1.	Tiền	111		83.184.220.371	74.666.089.611
2.	Các khoản tương đương tiền	112		212.000.000.000	331.800.000.000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		82.368.785.453	104.466.811.297
1.	Phải thu khách hàng	131	V.2	79.474.306.043	98.526.145.641
2.	Trả trước cho người bán	132	V.3	974.618.300	1.478.547.828
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.4	1.919.861.110	4.462.117.828
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		627.808.272.221	479.769.402.418
1.	Hàng tồn kho	141	V.5	639.411.733.235	487.776.549.472
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.6	(11.603.461.014)	(8.007.147.054)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		13.151.985.450	21.185.567.286
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	698.071.015	543.240.794
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		12.078.077.597	20.627.620.238
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8	375.836.838	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158		-	14.706.254

 448
 NG
 HIỆN
 AN
 &
 T.F

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN		200		190.924.030.432	210.700.709.156
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc		212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ		213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác		218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		219		-	-
II. Tài sản cố định		220		188.271.460.335	208.033.006.102
1. Tài sản cố định hữu hình		221	V.9	167.190.020.274	179.850.208.042
Nguyên giá		222		470.655.622.376	452.598.676.806
Giá trị hao mòn lũy kế		223		(303.465.602.102)	(272.748.468.764)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		224		-	-
Nguyên giá		225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế		226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình		227	V.10	19.991.876.051	21.073.165.157
Nguyên giá		228		33.490.882.138	33.490.882.138
Giá trị hao mòn lũy kế		229		(13.499.006.087)	(12.417.716.981)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		230	V.11	1.089.564.010	7.109.632.903
III. Bất động sản đầu tư		240		-	-
Nguyên giá		241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế		242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		250		1.824.000.000	1.824.000.000
1. Đầu tư vào công ty con		251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác		258	V.12	1.824.000.000	1.824.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác		260		828.570.097	843.703.054
1. Chi phí trả trước dài hạn		261		103.687.500	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		262	V.13	724.882.597	843.703.054
3. Tài sản dài hạn khác		268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		1.209.437.293.927	1.222.588.579.768

 18
 TỶ
 HỮU
 Á TU
 C
 HỒ

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		771.511.494.431	813.138.206.617
I. Nợ ngắn hạn		310		771.511.494.431	813.138.206.617
1. Vay và nợ ngắn hạn		311	V.14	311.809.715.461	298.051.716.360
2. Phải trả người bán		312	V.15	401.398.265.316	469.372.865.428
3. Người mua trả tiền trước		313	V.16	8.432.179.090	5.920.060.152
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	V.17	11.365.993.320	8.008.885.325
5. Phải trả người lao động		315	V.18	26.007.699.988	20.132.761.667
6. Chi phí phải trả		316	V.19	2.951.127.605	2.033.412.983
7. Phải trả nội bộ		317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	V.20	2.750.994.650	2.433.117.874
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		323	V.21	6.795.519.001	7.185.386.828
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		327		-	-
II. Nợ dài hạn		330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán		331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ		332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác		333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn		334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn		337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện		338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		437.925.799.496	409.450.373.151
I. Vốn chủ sở hữu		410		437.925.799.496	409.450.373.151
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411	V.22	189.802.000.000	189.802.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu		413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ		414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		417	V.22	120.523.149.443	114.197.281.407
8. Quỹ dự phòng tài chính		418	V.22	-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		419	V.22	18.980.200.000	18.980.200.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420	V.22	108.620.450.053	86.470.891.744
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
1. Nguồn kinh phí		432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		1.209.437.293.927	1.222.588.579.768



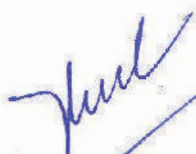
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		51.556.539.975	41.474.618.540
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		2.753,04	5.477,36
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2015



 Nguyễn Phương Thảo
Người lập biểu



 Vũ Đức Thịnh
Kế toán trưởng



 Hà Bình Sơn
Tổng Giám đốc


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	4.130.532.452.302	4.301.846.575.172
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	7.154.086.577	10.767.351.626
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	4.123.378.365.725	4.291.079.223.546
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	3.694.420.727.772	3.874.855.744.531
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		428.957.637.953	416.223.479.015
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	18.073.705.815	20.450.394.365
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	8.645.630.793	8.710.720.474
Trong đó: chi phí lãi vay	23		7.692.796.387	8.478.789.876
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	320.017.791.538	305.430.904.377
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	42.306.237.257	40.643.930.928
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		76.061.684.180	81.888.317.601
11. Thu nhập khác	31	VI.7	3.754.862.161	4.374.339.982
12. Chi phí khác	32	VI.8	112.160.426	54.378.263
13. Lợi nhuận khác	40		3.642.701.735	4.319.961.719
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		79.704.385.915	86.208.279.320
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	16.326.885.095	20.231.369.066
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.13	118.820.457	118.820.457
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>63.258.680.363</u>	<u>65.858.089.797</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>3.333</u>	<u>3.470</u>

3/1/15
 CỎ
 CHI
 M T
 A
 2/1/15

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2015


 Nguyễn Phương Thảo
 Người lập biểu


 Vũ Đức Thịnh
 Kế toán trưởng


 Hà Bình Sơn
 Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		79.704.385.915	86.208.279.320
2.	Điều chỉnh cho các khoản:				
-	Khấu hao tài sản cố định	02	V.9,10	33.152.878.270	34.729.359.272
-	Các khoản dự phòng	03	V.6	3.596.313.960	(7.519.035.671)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	(217.004)	89.555
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, 8	(631.896.702)	(601.167.192)
-	Chi phí lãi vay	06	VI.4	7.692.796.387	8.478.789.876
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		123.514.260.826	121.296.315.160
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		29.491.432.151	(21.268.458.539)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(151.635.183.763)	(12.521.946.536)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(60.341.139.962)	67.931.627.805
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(258.517.721)	696.510.592
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(7.949.708.627)	(8.363.256.857)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.17	(11.711.734.242)	(21.499.487.496)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		534.700.000	1.672.144.000
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(4.807.101.845)	(3.519.066.935)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(83.162.993.183)	124.424.381.194
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(12.194.911.799)	(11.205.694.008)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		296.363.637	262.454.545
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	384.000.000	384.000.000
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.514.548.162)	(10.559.239.463)

CHỈ TIÊU

Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
-------	-------------	---------	-----------

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.14 2.679.388.245.856	2.100.102.715.471
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.14 (2.665.630.246.755)	(1.977.691.856.399)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(30.362.544.000)	(30.362.544.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(16.604.544.899)	92.048.315.072
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(111.282.086.244)	205.913.456.803
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1 406.466.089.611	200.552.722.363
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	217.004	(89.555)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1 295.184.220.371	406.466.089.611

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2015



Nguyễn Phương Thảo
 Nguyễn Phương Thảo
 Người lập biểu

Vũ Đức Thịnh
 Vũ Đức Thịnh
 Kế toán trưởng

Hà Bình Sơn
 Hà Bình Sơn
 Tổng Giám đốc

14/02/2015
 CÔNG TY
 DẦU THỰC VẬT
 VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG
 C
 HỒ C

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, mua bán và xuất nhập khẩu các sản phẩm chế biến từ dầu, mỡ động thực vật, từ các loại hạt có dầu, thạch dừa; Sản xuất, mua bán các loại bao bì đóng gói; Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng...
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có 802 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 799 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Các quy định của Thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.



IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng nhưng hạch toán phụ thuộc. Các đơn vị trực thuộc hạch toán dưới hình thức báo sổ và tập hợp chứng từ phát sinh về văn phòng công ty để hạch toán và lưu giữ chứng từ.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào đánh giá cụ thể về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.



Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 20
Máy móc và thiết bị	5 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 – 7

6. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 10 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty đã trả một lần cho cả thời gian thuê và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại KCN Phú Mỹ I (Bà Rịa – Vũng Tàu). Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất còn lại tính từ khi dự án đi vào hoạt động.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa ghi nhận theo thực tế phát sinh và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 24 tháng.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

13. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

14. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo sổ thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là khoản nợ phải trả khi được công bố.

16. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	10%	-
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	5%	-
• Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

18. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013 : 21.065 VND/USD
31/12/2014 : 21.380 VND/USD

ĐIỂM
TỶ
HỮU
TÀI
C
HỖ CH

19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

20. Tài sản tài chính***Phân loại tài sản tài chính***

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

21. Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá trị cộng trừ các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

22. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.



23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.342.531.250	673.219.408
Tiền gửi ngân hàng	81.841.689.121	73.992.870.203
Các khoản tương đương tiền	212.000.000.000	331.800.000.000
(Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)		
Cộng	295.184.220.371	406.466.089.611

2. Phải thu khách hàng

Phải thu các khách hàng tiền bán sản phẩm.

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Khoản ứng trước cho hoạt động sản xuất kinh doanh	730.124.050	439.047.828
Khoản ứng trước cho hoạt động khác	244.494.250	1.039.500.000
Cộng	974.618.300	1.478.547.828

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	1.919.861.110	3.826.805.150
Trị giá vật liệu hỏng chờ giải quyết	-	635.312.678
Cộng	1.919.861.110	4.462.117.828



5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	10.289.946.206	5.045.486.645
Nguyên liệu, vật liệu, bao bì	471.272.758.072	298.295.053.052
Công cụ, dụng cụ	510.503.990	343.557.966
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	46.961.461.058	47.783.989.399
Thành phẩm	109.993.733.127	132.049.807.715
Hàng hóa	383.330.782	4.258.654.695
Cộng	639.411.733.235	487.776.549.472

Một phần hàng tồn kho đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay nợ của Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) với giá trị không dưới 4.500.000 USD (xem thuyết minh số V.14)

6. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho bao gồm:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng giảm giá cho nguyên liệu	(6.414.197.746)	-
Dự phòng giảm giá cho bán thành phẩm	(1.388.832.096)	-
Dự phòng giảm giá cho thành phẩm	(3.800.431.172)	(8.007.147.054)
Cộng	(11.603.461.014)	(8.007.147.054)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(8.007.147.054)	(15.526.182.725)
(Trích lập)/Hoàn nhập dự phòng trong năm	(3.596.313.960)	7.519.035.671
Số cuối năm	(11.603.461.014)	(8.007.147.054)

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá trị công cụ dụng cụ còn phải phân bổ	587.536.470	457.584.794
Chi phí thuê kho trả trước	110.534.545	85.656.000
Cộng	698.071.015	543.240.794

8. Thuế và các khoản phải thu nhà nước

Thuế thu nhập cá nhân thường xuyên nộp thừa.

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	158.571.534.399	284.887.238.488	7.169.136.758	1.970.767.161	452.598.676.806
Tăng trong năm	7.191.541.777	8.974.040.415	3.118.706.139	175.580.000	19.459.868.331
Mua sắm mới	-	1.140.018.182	2.703.804.545	-	3.843.822.727
Đầu tư XD CB hoàn thành	7.191.541.777	7.834.022.233	414.901.594	175.580.000	15.616.045.604
Giảm do thanh lý trong năm	(292.612.000)	(134.550.000)	(975.760.761)	-	(1.402.922.761)
Số cuối năm	165.470.464.176	293.726.728.903	9.312.082.136	2.146.347.161	470.655.622.376
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	23.304.141.583	71.033.818.188	2.251.985.639	1.883.650.161	98.473.595.571

 104
 ÔN
 HNH
 TOÁ
 A
 NH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	74.947.916.806	190.998.925.062	4.886.310.330	1.915.316.566	272.748.468.764
Khấu hao trong năm	11.609.590.244	19.363.573.107	1.052.031.716	46.394.097	32.071.589.164
Giảm do thanh lý trong năm	(292.612.000)	(86.083.065)	(975.760.761)	-	(1.354.455.826)
Số cuối năm	86.264.895.050	210.276.415.104	4.962.581.285	1.961.710.663	303.465.602.102
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	83.067.093.956	92.654.791.043	5.210.336.733	51.094.745	179.850.208.042
Số cuối năm	79.205.569.126	83.450.313.799	4.349.500.851	184.636.498	167.190.020.274
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Tài sản cố định có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 144.881.381.435 VND và 41.576.762.799 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng Dầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng này.

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	32.970.882.138	520.000.000	33.490.882.138
Số cuối năm	32.970.882.138	520.000.000	33.490.882.138
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	3.409.939.531	520.000.000	3.929.939.531
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	11.897.716.981	520.000.000	12.417.716.981
Khấu hao trong năm	1.081.289.106	-	1.081.289.106
Số cuối năm	12.979.006.087	520.000.000	13.499.006.087
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	21.073.165.157	-	21.073.165.157
Số cuối năm	19.991.876.051	-	19.991.876.051
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các công trình tại nhà máy dầu Phú Mỹ	18.000.000	295.187.845
Các công trình tại nhà máy dầu Vinh	1.071.564.010	6.814.445.058
Cộng	1.089.564.010	7.109.632.903

Tình hình biến động trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	7.109.632.903	113.636.363
Chi phí phát sinh trong năm	10.489.247.695	7.813.603.223
Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	(15.616.045.604)	(817.606.683)
Kết chuyển vào chi phí sản xuất	(893.270.984)	-
Số cuối năm	1.089.564.010	7.109.632.903

12. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu Công ty Cổ phần Bao bì dầu thực vật	192.000	1.824.000.000	192.000	1.824.000.000

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	843.703.054	962.523.511
Hoàn nhập trong năm	(118.820.457)	(118.820.457)
Số cuối năm	724.882.597	843.703.054

14. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	171.031.179.068	140.214.708.881
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	-	27.367.961.885
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	140.778.536.393	130.469.045.594
Cộng	311.809.715.461	298.051.716.360

⁽ⁱ⁾ Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 0253/KH/13NH ngày 10 tháng 10 năm 2013 và bản sửa đổi số 01/CV-0253/KH/13NH ngày 03 tháng 9 năm 2014 để bổ sung vốn lưu động. Chi tiết khoản vay như sau:

- Hạn mức vay : 300.000.000.000 VNĐ
- Thời gian vay : tối đa 06 tháng (theo từng giấy nhận nợ)
- Lãi suất vay : Được xác định cho từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- Tài sản đảm bảo : Tín chấp

 15-C
 TỶ
 HỮU HẠ
 TỰ VÃ
 C
 HỒ CHÍ

(ii) Vay Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) theo Thỏa thuận sửa đổi số HBVN070218 ngày 04 tháng 4 năm 2012 và Bản điều chỉnh VNM140518 ngày 30 tháng 6 năm 2014 để bổ sung vốn lưu động. Chi tiết khoản vay như sau:

- Hạn mức vay : 5.800.000 USD
- Thời hạn được vay : tối đa 60 ngày.
- Lãi suất vay : Được xác định cho từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- Tài sản đảm bảo : Hàng tồn kho nhưng phải đảm bảo giá trị tồn kho không dưới 4.500.000 USD

(iii) Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 14.2120027/HDIIMTD ngày 3 tháng 9 năm 2014 để bổ sung vốn lưu động. Chi tiết khoản vay như sau:

- Số tiền vay : 220.000.000.000 VNĐ
- Thời gian vay : tối đa 04 tháng (theo từng giấy nhận nợ)
- Lãi suất vay : Được xác định cho từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- Tài sản đảm bảo : tín chấp.

Ngoài ra, Công ty còn đang thế chấp tài sản đảm bảo là Dây chuyền thiết bị chiết dầu chai 1L; 0,4L; 0,25L và 5L, Dây chuyền tinh luyện dầu thực vật 600 tấn/ngày và 150 tấn/ngày tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 00310/2012/0001606 ngày 30 tháng 7 năm 2012 và các phụ lục hợp đồng gia hạn để bổ sung vốn lưu động. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Tuy nhiên, tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 không còn số dư nợ vay.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	298.051.716.360	175.640.857.288
Số tiền vay phát sinh trong năm	2.679.388.245.856	2.100.102.715.471
Số tiền vay đã trả trong năm	(2.665.630.246.755)	(1.977.691.856.399)
Số cuối năm	311.809.715.461	298.051.716.360

15. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - Công ty TNHH MTV	356.358.190.793	424.035.833.253
Công ty Cổ phần Bao bì dầu thực vật	574.801.345	1.157.849.198
Các nhà cung cấp khác	44.465.273.178	44.179.182.977
Cộng	401.398.265.316	469.372.865.428

16. Người mua trả tiền trước

Khoản trả trước của khách hàng về mua sản phẩm.



17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp Trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng nội địa	-	4.623.953.031	(4.623.953.031)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	52.407.719.901	(52.407.719.901)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	20.117.804.953	(20.117.804.953)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.721.631.870	16.326.885.095	(11.711.734.242)	11.336.782.723
Thuế thu nhập cá nhân thường xuyên	376.634.459	1.116.724.262	(1.869.195.559)	(375.836.838)
Thuế thu nhập cá nhân không thường xuyên	910.468.996	865.742.595	(1.747.050.994)	29.160.597
Thuế tài nguyên	150.000	900.000	(1.000.000)	50.000
Thuế nhà đất	-	43.893.628	(43.893.628)	-
Tiền thuê đất	-	627.837.121	(627.837.121)	-
Các loại thuế khác	-	28.224.600	(28.224.600)	-
Cộng	8.008.885.325	96.159.685.186	(93.178.414.029)	10.990.156.482

Thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh V.8).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo quy định tại điểm 6, phần I, Thông tư số 130/2008/TT- BCT ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính, phần thu nhập tăng thêm do đầu tư Nhà máy dầu Phú Mỹ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động và được giảm 50% số thuế phải nộp cho 5 năm tiếp theo. Năm 2008 là năm đầu tiên dự án đi vào hoạt động.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	79.704.385.915	86.208.279.320
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	4.230.722.162	5.448.403.814
- Các khoản điều chỉnh giảm	(606.062.140)	(606.062.140)
Thu nhập chịu thuế	83.329.045.937	91.050.620.994
Thu nhập được miễn thuế	(384.000.000)	(384.000.000)
Thu nhập tính thuế	82.945.045.937	90.666.620.994
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất phổ thông	18.247.910.106	22.666.655.249
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm cho phần thu nhập tăng thêm từ đầu tư mở rộng	(1.921.025.011)	(2.435.286.183)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	16.326.885.095	20.231.369.066

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.



18. Phải trả người lao động
 Quỹ lương còn phải trả cho người lao động.

19. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước chi phí lãi vay	105.802.717	362.714.957
Các khoản chi phí trích trước khác	2.845.324.888	1.670.698.026
Cộng	2.951.127.605	2.033.412.983

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập cá nhân tạm thu	3.034.000	17.691.000
Kinh phí công đoàn	1.020.213.650	810.335.874
Cổ tức phải trả	59.907.000	54.131.000
Nhận ký quỹ ngắn hạn	1.637.840.000	1.520.960.000
Các khoản phải trả khác	30.000.000	30.000.000
Cộng	2.750.994.650	2.433.117.874

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	5.333.385.043	3.360.622.679	2.300.000	(4.293.485.000)	4.402.822.722
Quỹ phúc lợi	1.852.001.785	1.054.311.339	-	(513.616.845)	2.392.696.279
Cộng	7.185.386.828	4.414.934.018	2.300.000	(4.807.101.845)	6.795.519.001

22. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

Cổ tức

Trong năm, Công ty đã chi trả cổ tức cho cổ đông là 30.362.544.000 VND (năm trước là 30.362.544.000 VND).

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.980.200	18.980.200
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.980.200	18.980.200
- Cổ phiếu phổ thông	18.980.200	18.980.200
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.980.200	18.980.200
- Cổ phiếu phổ thông	18.980.200	18.980.200
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	4.130.532.452.302	4.301.846.575.172
Doanh thu bán hàng hóa	15.665.092.284	24.974.751.121
Doanh thu bán thành phẩm	4.114.867.360.018	4.276.871.824.051
Các khoản giảm trừ doanh thu	(7.154.086.577)	(10.767.351.626)
Giảm giá hàng bán	(4.151.976.020)	(9.493.288.940)
Hàng bán bị trả lại	(3.002.110.557)	(1.274.062.686)
Doanh thu thuần	4.123.378.365.725	4.291.079.223.546
Trong đó:		
Doanh thu thuần bán hàng hóa	15.665.092.284	24.974.751.121
Doanh thu thuần bán thành phẩm	4.107.713.273.441	4.266.104.472.425

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	17.344.316.368	26.181.877.783
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	3.677.076.411.404	3.848.673.866.748
Cộng	3.694.420.727.772	3.874.855.744.531

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	17.274.310.227	19.238.843.715
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	415.178.584	827.550.650
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	217.004	-
Cổ tức được chia	384.000.000	384.000.000
Cộng	18.073.705.815	20.450.394.365

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	7.692.796.387	8.478.789.876
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	952.834.406	231.841.043
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	89.555
Cộng	8.645.630.793	8.710.720.474

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	26.619.170.993	21.436.178.235
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.314.868.643	1.700.700.466
Chi phí khấu hao tài sản cố định	590.094.092	674.996.189
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.942.773.864	45.375.564.474
Chi phí khác	239.550.883.946	236.243.465.013
Cộng	320.017.791.538	305.430.904.377

 0448
 CÔNG
 NHẬN
 DẤU V
 A &
 T.T.P

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	22.633.503.283	22.642.755.129
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.424.212.263	1.633.535.412
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.163.819.992	889.208.771
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.148.077.762	6.751.179.838
Chi phí khác	7.936.623.957	8.727.251.778
Cộng	42.306.237.257	40.643.930.928

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền hoàn thuế bảo vệ môi trường	-	1.176.000.000
Xử lý chênh lệch thừa nguyên liệu, hàng hóa	1.844.827.283	-
Thu thanh lý tài sản cố định	296.363.637	262.454.545
Thu tiền bồi thường hợp đồng	18.060.256	191.489.985
Thu tiền bảo hiểm bồi thường	226.202.856	1.142.298.425
Thu nhập khác	1.369.408.129	1.602.097.027
Cộng	3.754.862.161	4.374.339.982

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	48.466.935	45.287.353
Phạt vi phạm hành chính	20.000.000	-
Chi phí khác	43.693.491	9.090.910
Cộng	112.160.426	54.378.263

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	63.258.680.363	65.858.089.797
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	63.258.680.363	65.858.089.797
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	18.980.200	18.980.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.333	3.470

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.209.366.855.725	4.707.765.147.566
Chi phí nhân công	108.594.269.121	111.319.245.890
Chi phí khấu hao tài sản cố định	33.152.878.270	34.729.359.272
Chi phí dịch vụ mua ngoài	106.964.964.792	99.358.074.714
Chi phí khác	247.487.507.903	244.970.716.791
Cộng	5.705.566.475.811	5.198.142.544.233

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC
1. Giao dịch với các bên liên quan
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	3.769.355.000	4.440.041.214
Tiền thưởng, phụ cấp	527.335.000	358.005.000
Cộng	4.296.690.000	4.798.046.214

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – Công ty TNHH MTV	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tân Bình	Công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – Công ty TNHH MTV
Công ty Cổ phần Trích ly dầu thực vật	Công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – Công ty TNHH MTV
Công ty Cổ phần Thương mại dầu thực vật	Công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – Công ty TNHH MTV
Công ty Cổ phần Bao bì dầu thực vật	Công ty liên kết của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – Công ty TNHH MTV

Trong năm Công ty phát sinh nghiệp vụ với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - Công ty TNHH MTV		
Mua nguyên liệu	2.777.304.618.460	2.876.395.761.480
Mượn nguyên liệu	-	5.928.518.000
Trả nguyên liệu	-	(5.928.518.000)
Bán thành phẩm	816.000	-
Công ty Cổ phần Bao bì dầu thực vật		
Mua nguyên liệu, bao bì, gia công	6.151.970.963	7.732.960.757
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tân Bình		
Bán thành phẩm	1.440.149.000	678.367.864

Tất cả các giao dịch với Công ty mẹ là bên liên quan đều được thực hiện thông qua hợp đồng kinh tế và có phê duyệt của các thành viên Hội đồng quản trị theo Điều lệ Công ty.

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.



Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tân Bình		
Bán thành phẩm	66.137.500	-
Cộng nợ phải thu	66.137.500	-

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - Công ty TNHH MTV

Mua nguyên liệu	356.358.190.793	424.035.833.253
-----------------	-----------------	-----------------

Công ty Cổ phần Bao bì dầu thực vật

Giá công, mua nguyên liệu và bao bì	574.801.345	1.157.849.198
Cộng nợ phải trả	356.932.992.138	425.193.682.451

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	627.837.121	499.761.250
Trên 1 năm đến 5 năm	2.511.348.484	1.999.045.000
Trên 5 năm	11.256.370.879	11.884.208.000
Cộng	14.395.556.484	14.383.014.250

Công ty thuê đất tại trụ sở chính và Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An - Nhà máy dầu Vinh dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê đất ở Nhà máy dầu Tường An có hiệu lực trong khoảng từ năm 1996 đến năm 2046, hợp đồng thuê đất ở Nhà máy Vinh có hiệu lực từ năm 2002 đến năm 2032 và có khả năng được gia hạn thêm. Giá thuê đất được thanh toán theo thông báo của cơ quan thuế hàng năm.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Kinh doanh dầu đặc: chủ yếu cung cấp các sản phẩm dầu công nghiệp.
- Kinh doanh dầu chiên xào: cung cấp sản phẩm thiết yếu để tiêu dùng hàng ngày.
- Kinh doanh dầu cao cấp: sản phẩm có độ dinh dưỡng cao.



Thông tin về kết quả kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Dầu đặc</u>	<u>Dầu chiên xào</u>	<u>Dầu cao cấp</u>	<u>Các lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	256.603.477.362	3.471.202.366.076	379.593.671.950	15.978.850.337	4.123.378.365.725
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	256.603.477.362	3.471.202.366.076	379.593.671.950	15.978.850.337	4.123.378.365.725
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	3.599.313.203	23.503.121.915	76.228.124.347	5.609.286.950	108.939.846.415
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(42.306.237.257)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					66.633.609.158
Doanh thu hoạt động tài chính					18.073.705.815
Chi phí tài chính					(8.645.630.793)
Thu nhập khác					3.754.862.161
Chi phí khác					(112.160.426)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(16.326.885.095)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(118.820.457)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					63.258.680.363
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	247.743.616.981	3.594.098.291.727	424.077.889.904	25.159.424.934	4.291.079.223.546
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	247.743.616.981	3.594.098.291.727	423.887.921.685	25.349.393.153	4.291.079.223.546
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(3.575.079.274)	41.991.701.674	75.253.171.232	(2.877.218.994)	110.792.574.638
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(40.643.930.928)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					70.148.643.710
Doanh thu hoạt động tài chính					20.450.394.365
Chi phí tài chính					(8.710.720.474)
Thu nhập khác					4.374.339.982
Chi phí khác					(54.378.263)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(20.231.369.066)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại					(118.820.457)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					65.858.089.797

Các tài sản của Công ty được dùng chung để sản xuất các sản phẩm. Do đặc điểm kinh doanh nên Công ty không theo dõi nợ phải trả cho từng lĩnh vực kinh doanh.

Khu vực địa lý

Phần lớn các sản phẩm của Công ty được tiêu thụ tại Việt Nam.

 384
:01
H NI
TOI
A
/NH

4. Quản lý rủi ro tài chính***Tổng quan***

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, công nợ phát sinh trong tháng sẽ được thu hồi trong thời gian 7 ngày đầu của tháng tiếp theo và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính là từ 01 năm trở xuống.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty bao gồm rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro về giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả thuần) có gốc USD của Công ty như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.753,04	5.477,36
Vay và nợ	(1.807.304,07)	-
Phải trả người bán	(284.760,00)	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(2.089.311,03)	5.477,36

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thị trường.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thị trường và cố định phù hợp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có số dư khoản vay có lãi suất thị trường là 273.124.371.843 VND và 1.807.304,07 USD (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 298.051.716.360 VND và 0 USD).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 204, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 4.260.740.201 VND (năm năm trước giảm/tăng 4.470.775.745 VND).

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất các khoản vay USD đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của công ty là không đáng kể do dư nợ vay thuần USD có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh để phòng ngừa rủi ro về giá nguyên vật liệu.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	295.184.220.371	-	406.466.089.611	-	295.184.220.371	406.466.089.611
Phải thu khách hàng	79.474.306.043	-	98.526.145.641	-	79.474.306.043	98.526.145.641
Các khoản phải thu khác	1.919.861.110	-	3.826.805.150	-	1.919.861.110	3.826.805.150
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.824.000.000	-	1.824.000.000	-	1.824.000.000	1.824.000.000
Cộng	378.402.387.524	-	510.643.040.402	-	378.402.387.524	510.643.040.402

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	311.809.715.461	298.051.716.360	311.809.715.461	298.051.716.360
Phải trả người bán	401.398.265.316	469.372.865.428	401.398.265.316	469.372.865.428
Các khoản phải trả khác	3.041.034.605	2.117.543.983	3.041.034.605	2.117.543.983
Cộng	716.249.015.382	769.542.125.771	716.249.015.382	769.542.125.771

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2015



Nguyễn Phương Thảo
Người lập biểu



Vũ Đức Thịnh
Kế toán trưởng



Hà Bình Sơn
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục: Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	189.802.000.000	107.611.472.427	8.102.230.959	10.308.610.006	62.464.194.452	378.288.507.844
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	65.858.089.797	65.858.089.797
Trích lập các quỹ năm trước	-	6.585.808.980	-	569.359.035	(11.483.072.505)	(4.327.904.490)
Chuyển trình bày lại số dư quỹ	-	-	(8.102.230.959)	8.102.230.959	-	-
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(30.368.320.000)	(30.368.320.000)
Số dư cuối năm trước	189.802.000.000	114.197.281.407	-	18.980.200.000	86.470.891.744	409.450.373.151
Số dư đầu năm nay	189.802.000.000	114.197.281.407	-	18.980.200.000	86.470.891.744	409.450.373.151
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	63.258.680.363	63.258.680.363
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	6.325.868.036	-	-	(10.740.802.054)	(4.414.934.018)
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	(30.368.320.000)	(30.368.320.000)
Số dư cuối năm nay	189.802.000.000	120.523.149.443	-	18.980.200.000	108.620.450.053	437.925.799.496

 CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN
 CỤP HỒ CHÍ MINH, ngày 14 tháng 02 năm 2015


Vũ Đức Thịnh
 Kế toán trưởng


Nguyễn Phương Thảo
 Người lập biểu

Hà Bình Sơn
 Tổng Giám đốc

Ngày 08 tháng 04 năm 2015 *Handwritten signature*

Người đại diện theo pháp luật

Chủ tịch HĐQT

*Handwritten signature*
Nguyễn Hùng Cường

Olive Tường An

Không chỉ là dầu ăn!

Từ những trái Olive thượng hạng, kết hợp với công nghệ ép lạnh cho ra đời sản phẩm dầu Olive Tường An nguyên chất 100%, lưu giữ các dưỡng chất quý giá từ thiên nhiên, không chỉ giúp món ăn ngon hơn mà còn rất tốt cho sức khỏe và sắc đẹp



100% dầu Olive nguyên chất.
Lưu giữ các dưỡng chất từ thiên nhiên.



MỤC LỤC

I.	Thông tin chung	2
1.	Thông tin khái quát	2
2.	Quá trình hình thành và phát triển	2
3.	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	5
4.	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	5
5.	Định hướng phát triển	10
6.	Các rủi ro	13
II.	Tình hình hoạt động trong năm	14
1.	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	14
2.	Tổ chức và nhân sự	14
3.	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	16
a)	Các khoản đầu tư lớn	16
b)	Các công ty con, công ty liên kết	16
4.	Tình hình tài chính	16
a)	Tình hình tài chính	16
b)	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	17
5.	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	17
a)	Cổ phần	17
b)	Cơ cấu cổ đông	18
c)	Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	18
d)	Giao dịch cổ phiếu quỹ	18
e)	Các chứng khoán khác	18
III.	Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc	19
1.	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	19
2.	Tình hình tài chính	23
a)	Tình hình tài sản	23
b)	Tình hình nợ phải trả	24
3.	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	24
4.	Kế hoạch phát triển trong tương lai	25
IV.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	27
1.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	27
a)	Một số đặc điểm trong năm 2014 tác động đến kinh doanh của Công ty	27
b)	Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2014	27
2.	Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty	28
3.	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	29
a)	Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015	29
b)	Đầu tư xây dựng cơ bản	29
V.	Quản trị công ty	30
1.	Hội đồng quản trị	30
a)	Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị	30
b)	Hoạt động của Hội đồng quản trị	31
c)	Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành	31
2.	Ban Kiểm soát	31

a)	Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát	31
b)	Hoạt động của Ban kiểm soát	32
c)	Kết luận công tác giám sát của Ban kiểm soát	34
3.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD và Ban kiểm soát	35
a)	Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích	35
b)	Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ	36
c)	Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty	36
VI.	Báo cáo tài chính đã kiểm toán:	37

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN



Dầu ăn tốt, hiểu món ăn ngon!



2014

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2014

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN
48/5 Phan Huy Ích, P.15, Q. Tân Bình TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: (84.8) 38153972 - 38153950 Fax: (84.8) 38153649
www.tuongan.com.vn